

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/DS-ST
Ngày: 24-5-2024
“V/v Tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Quách Thị Thu Hương.

2. Ông Nguyễn Trường Thống.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Tú Nguyên - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:**

Ông Nguyễn Tri Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 299/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34b/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện V, Kiên Giang (Có mặt)

* **Bị đơn:** Ông Lữ Trung T1 và bà Trần Bích T2, địa chỉ: ấp C, xã B, huyện V, Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Tại đơn khởi kiện** đề ngày 22 tháng 11 năm 2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Công T trình bày: Vợ chồng ông T1 và bà T2 đến mua vật tư thủy sản và con giống ở cửa hàng của ông theo hình thức là gói đầu, sau khi thu hoạch sẽ trả. Thời gian mua vật tư thủy sản, con giống ở cửa hàng thì ông T1 và bà T2 có trả vài lần, trả đến ngày 27/02/2023 thì ngưng mua và không trả tiền cho ông nữa. Sau

khi ngưng mua thì hai bên tính toán lại sổ ghi nợ tại cửa hàng thì ông T1 và bà T2 còn nợ tiền mua vật tư thủy sản và con giống của ông là: 228.162.000đ (Hai trăm hai mươi tám triệu một trăm sáu mươi hai ngàn đồng), “Ông có ghi sổ để hai bên đối chiếu thanh toán nợ”. Ông đã nhiều lần gọi điện thoại cho ông T1, bà T2 để nhắc việc thanh toán nợ cho cửa hàng của ông nhưng phía ông T1 và bà T2 hứa hết lần này tới lần khác. Việc thanh toán nợ của ông T1 và bà T2 kéo dài liên tục không trả đúng hạn đã thỏa thuận và không có thiện chí thanh toán nợ cho cửa hàng của ông.

Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T1 và bà T2 trả cho ông số tiền mua vật tư thủy sản và con giống còn nợ với số tiền là: 228.162.000đ (Hai trăm hai mươi tám triệu một trăm sáu mươi hai ngàn đồng), ông không yêu cầu tính lãi.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lữ Trung T1 và bà Trần Bích T2 để ông bà trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông T cũng như tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông T1 và bà T2 không nộp cho Tòa án bản tự khai hay ý kiến trình bày của mình đối với yêu cầu của ông T, có tình vắng mặt không rõ lý do trong quá trình tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng tư cách tham gia tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T1 bà T2 là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Ông T yêu cầu vợ chồng ông T1 và bà T2 trả tiền thiếu do mua vật tư thủy sản và con giống của cửa hàng ông với số tiền là 228.162.000đ (Hai trăm hai mươi tám triệu một trăm sáu mươi hai ngàn đồng). Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra cũng như kết quả diễn biến tại

phiên tòa hôm nay cho thấy đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản là thức ăn tôm, vật tu thủy sản. Nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn trả tiền mua thức ăn, con giống tôm và thuốc thủy sản tổng số tiền 228.162.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Do trong quá trình mua bán hai bên có ghi sổ đối chiếu thanh toán nợ, bị đơn có vài lần trả tiền tính đến ngày 27/02/2023 thì bị đơn ngưng mua và không trả tiền. Bị đơn ông T1, bà T2 đã bỏ địa phương đi nơi khác. Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin về nơi cư trú của bị đơn, thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy khi thực hiện giao dịch các đương sự có lập sổ theo dõi ghi chép đầy đủ nội dung các lần giao dịch và bị đơn có ký xác nhận. Tính đến ngày 27/02/2023 thì bị đơn còn nợ lại số tiền 228.162.000 đồng (bút lục 03). Qua đó, cho thấy việc bị đơn có mua thức ăn tôm, thuốc thủy sản và có nợ tiền của nguyên đơn là sự thật. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả nợ là có căn cứ. Bị đơn khi thực hiện giao dịch mua bán với nguyên đơn thì có nơi cư trú ở địa phương (ấp C, xã B) nhưng sau đó bỏ địa phương đi nơi khác và cố tình che giấu địa chỉ, không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn. Nên xem như đã tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của chính mình.

*** Từ những phân tích và nhận định nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử:**
Căn cứ điều 91, 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điều 430, 440 của Bộ Luật Dân sự. Đề xuất chấp nhận toàn bộ yêu cầu trả nợ của nguyên đơn đối với bị đơn về khoản nợ gốc số tiền 228.162.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông T1 và bà T2 trả số tiền mua vật tư thủy sản và con giống còn nợ là: 228.162.000 đồng. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết là phù hợp.

Ông Nguyễn Công T khởi kiện ông Lữ Trung T1 và bà Trần Bích T2; ông T1 và bà T2 có nơi cư trú tại ấp C, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà Trần Bích T2 và ông Lữ Trung T1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do, xét thấy sự vắng mặt của bà T2, ông T1 không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án cho nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T2, ông T1 là đúng theo quy định tại 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Nội dung tranh chấp: Ông T1 và bà T2 mua vật tư thủy sản và con giống thiếu cửa hàng ông T số tiền 228.162.000 đồng. Từ ngày 27/02/2023 hai bên ngừng mua bán và thống nhất số tiền còn nợ cho đến nay, ông T đã nhiều lần yêu cầu nhưng vợ chồng ông T1 và bà T2 chưa trả số tiền còn thiếu, từ đó nên hai bên phát sinh tranh chấp.

Tại phiên tòa ông T giữ nguyên yêu cầu buộc vợ chồng ông T1 và bà T2 trả tiền mua vật tư thủy sản và con giống còn thiếu là 228.162.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Công T thấy rằng cửa hàng ông Nguyễn Công T với ông T1 và bà T2 có thỏa thuận về việc mua bán vật tư thủy sản và con giống để ông T1 và bà T2 nuôi tôm, hiện tại ông T1 và bà T2 còn nợ cửa hàng ông T số tiền 228.162.000 đồng nhưng ông T1 và bà T2 không thanh toán. Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông T1 và bà T2 trả số tiền còn nợ là 228.162.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy rằng trong quá trình mua bán hai bên có ghi sổ đối chiếu thanh toán nợ, bị đơn có vài lần trả tiền tính đến ngày 27/02/2023 thì bị đơn ngưng mua và không trả tiền. Bị đơn ông T1, bà T2 đã bỏ địa phương đi nơi khác.

Khi thực hiện giao dịch các đương sự có lập sổ theo dõi ghi chép đầy đủ nội dung các lần giao dịch và bị đơn có ký xác nhận. Tính đến ngày 27/02/2023 thì bị đơn còn nợ lại số tiền 228.162.000 đồng. Từ đó chứng minh việc bị đơn có mua thức ăn tôm, thuốc thủy sản và có nợ tiền của nguyên đơn là sự thật. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả nợ là có căn cứ. Bị đơn khi thực hiện giao dịch mua bán với nguyên đơn thì có nơi cư trú ở địa phương (ấp C, xã B) nhưng sau đó bỏ địa phương đi nơi khác và cố tình che giấu địa chỉ,

không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn. Nên xem như đã tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của chính mình.

Nay có căn cứ xác định ông **T1** và bà **T2** còn nợ tiền mua thức ăn của ông **T** chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 440 (*Nghĩa vụ trả tiền*) của Bộ luật dân sự nên việc cửa hàng ông **Nguyễn Công T** khởi kiện yêu cầu ông **T1** và bà **T2** trả số tiền còn thiếu là có căn cứ.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của **H** kinh doanh ông **Nguyễn Công T** là có căn cứ để chấp nhận, buộc ông **Lữ Trung T1** và bà **Trần Bích T2** phải trả cho ông **Nguyễn Công T** số tiền 228.162.000 đồng còn thiếu.

[3] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí dân sự sơ thẩm 5% của số tiền 228.162.000 đồng là 11.408.000 đồng, bị đơn ông **T1** và bà **T2** chịu toàn bộ.

Do yêu cầu của **H** kinh doanh ông **Nguyễn Công T** được chấp nhận nên ông **Nguyễn Công T** không phải chịu tiền án phí hoàn trả lại cho ông **Nguyễn Công T** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.704.050 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005296 ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 228, Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều Điều 430; Điều 440; Điều 468 của Bộ Luật dân sự; Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Công T** về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với bị đơn ông **Lữ Trung T1** và bà **Trần Bích T2**.

Buộc bị đơn ông **Lữ Trung T1** và bà **Trần Bích T2** phải trả cho ông **Nguyễn Công T** số tiền mua vật tư thủy sản và con giống còn nợ là 228.162.000 đồng.

Kể từ ngày ông **Nguyễn Công T** có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông **Lữ Trung T1** và bà **Trần Bích T2** không trả đủ số tiền trên thì còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Ông **Lữ Trung T1** và bà **Trần Bích T2** chịu 11.408.000 đồng.

Hoàn trả lại cho ông **Nguyễn Công T** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.704.050 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005296 ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 24/5/2024. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

THẨM

- TAND tỉnh Kiên Giang;

TÒA

- VKSND huyện Vĩnh Thuận;

- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;

- UBND xã Bình Minh;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Trần Thị Mỹ Vinh